

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ II - NĂM HỌC 2024-2025
Môn: Ngữ văn 12

I. Giới hạn ôn tập

1. Cấu trúc:

- Thời gian làm bài: 90 phút
- Phần đọc hiểu: 4,0 điểm
- Phần viết: 6,0 điểm

2. Phạm vi ôn tập:

- **Đọc hiểu:** thơ Xuân Diệu (ngoài SGK)
- + 2 câu nhận biết (0,5 điểm/câu)
- + 2 câu thông hiểu (1,0 điểm/ câu)
- + 1 câu vận dụng (1,0 điểm/ câu)

Lưu ý: Các dạng câu hỏi thể hiện trong đặc tả ma trận.

- Viết:

- + Câu 1. Đoạn văn phân tích, đánh giá một khía cạnh nội dung hoặc nghệ thuật của văn bản thơ.
- + Câu 2. Bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

Lưu ý: đáp ứng các yêu cầu trong bản đặc tả ma trận.

II. Ma trận và bản đặc tả ma trận

1. Khung ma trận

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
I	Năng lực Đọc	<i>Văn bản đọc hiểu</i>	5	2	10 %	2	20 %	1	10 %	
II	Năng lực Viết	<i>Nghị luận văn học</i>	1	5%		5%		10%		20%
		<i>Nghị luận xã hội</i>	1	7,5		10		22,5		40%
Tỉ lệ%				22,5%		35%		42,5%		100%
Tổng			7	100%						

2.Bảng đặc tả ma trận

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức / Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
	Đọc hiểu	1. Thơ trữ tình hiện đại	Nhận biết: - Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ. - Nhận biết được đề tài, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật trong thơ hiện đại. - Nhận biết được những hình ảnh tiêu biểu, trung tâm của bài thơ.					

	Viết		- Nhận biết được các biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong văn bản thơ. Thông hiểu: - Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, hình tượng trung tâm của bài thơ. - Phân tích, lí giải được mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ; phân tích được sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo trong bài thơ. - Hiểu và lí giải được vai trò, tác dụng của hình ảnh, biểu tượng đặc biệt là các yếu tố tượng trưng, siêu thực (nếu có) trong bài thơ. - Phát hiện và lí giải được các giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh trong bài thơ. Vận dụng: - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản thơ, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm. - Đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ trong bài thơ. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong văn bản thơ. - Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.					
		1. Đoạn văn NLVH	Nhận biết: - Giới thiệu được tên tác phẩm, tác giả... của đoạn trích/tác phẩm. - Đảm bảo cấu trúc đoạn văn bản nghị luận. Thông hiểu:					

			- Xây dựng hệ thống ý theo vấn đề nghị luận - Nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc của đoạn trích. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Nêu được những bài học rút ra từ đoạn trích/ tác phẩm. - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong đoạn trích/ tác phẩm). Vận dụng cao: - Đánh giá được đặc sắc của vấn đề; sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm,... để tăng tính thuyết phục cho đoạn văn. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính sáng tạo trong cách diễn đạt.					
		2. Viết bài nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.	Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Nêu được cụ thể vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Phân tích được lí do và các phương diện liên quan đến tuổi trẻ của vấn đề. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với tuổi trẻ.					

			- Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 12 lớp để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.					
Tỉ lệ %				20%	40%	30%	10%	100
Tỉ lệ chung				60%		40%		%

3. Đề minh họa:

Đề 1:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

GIỤC GIÃ

Mau với chứ, vội vàng lên với chứ,
Em, em ơi, tình non đã già rồi;
Con chim hồng, trái tim nhỏ của tôi,
Mau với chứ! Thời gian không đứng đợi.
Tình thổi gió, màu yêu lên pháp phới;
Nhưng đôi ngày, tình mới đã thành xưa.
Nắng mọc chưa tin, hoa rụng không ngờ,
Tình yêu đến, tình yêu đi, ai biết!
Trong gặp gỡ đã có mầm li biệt;
Những vườn xưa, nay đoạn tuyệt dấu hài;
Gấp đi em, anh rất sợ ngày mai;
Đời trôi chảy, lòng ta không vĩnh viễn...

(Trích “Gửi hương cho gió”, Xuân Diệu, NXB Hội Nhà văn, 2018)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Chỉ ra dấu hiệu xác định thể thơ của đoạn trích trên.

Câu 2 (0,5 điểm). Chỉ ra những từ ngữ thể hiện lời *giục giã*.

Câu 3 (1,0 điểm). Phân tích tác dụng của các cặp từ trái nghĩa trong đoạn trích.

Câu 4. (1,0 điểm). Nhận xét tâm hồn của nhân vật trữ tình thể hiện trong đoạn trích.

Câu 5. (1,0 điểm). Từ tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ sau:

Trong gặp gỡ đã có mầm li biệt;
Những vườn xưa, nay đoạn tuyệt dấu hài;
Gấp đi em, anh rất sợ ngày mai;
Đời trôi chảy, lòng ta không vĩnh viễn

Anh/chị nghĩ mình nên ứng xử như thế nào với thời gian mà mình đang có? (trình bày khoảng 5-7 dòng)

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ sau:

Mau với chứ, vội vàng lên với chứ,
Em, em ơi, tình non đã già rồi;
Con chim hồng, trái tim nhỏ của tôi,
Mau với chứ! Thời gian không đứng đợi.

Câu 2. (4,0 điểm)

Hiện nay, nhiều bạn trẻ quan niệm rằng tuổi trẻ ngắn ngủi phải sống hết mình để không phí hoài thanh xuân.

Từ góc nhìn của một người trẻ, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề trên.

----- Hết -----

ĐỀ 2

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

XUÂN KHÔNG MÙA

Xuân Diệu

*Một ít nắng, vài ba sương mỏng thấm,
Mấy cành xanh, năm bảy sắc yêu yêu
Thế là xuân. Tôi không hỏi chi nhiều.
Xuân đã sẵn trong lòng tôi lai láng.*

*Xuân không chỉ ở mùa xuân ba tháng;
Xuân là khi nắng rạng đến tình cờ,
Chim trên cành há mỏ hót ra thơ;
Xuân là lúc gió về không định trước.*

*Đông đang lạnh bỗng một hôm trở ngược,
Mây bay đi để hở một khung trời
Thế là xuân. Ngày chỉ ấm hơi hơi,
Như được nắm một bàn tay son trẻ...*

1939

(Trích Tuyển tập Xuân Diệu, tập 1: Thơ, 1939, NXB Văn học, 1983, tr.79)

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1 (0.5 điểm). Chỉ ra dấu hiệu xác định thể thơ của đoạn trích.

Câu 2 (0.5 điểm). Tìm những từ ngữ, hình ảnh thể hiện vẻ đẹp của mùa xuân trong khổ 1 của đoạn trích.

Câu 3 (1.0 điểm). Phân tích hiệu quả biểu đạt của biện pháp tu từ so sánh trong 2 câu thơ:

*Thế là xuân. Ngày chỉ ấm hơi hơi,
Như được nắm một bàn tay son trẻ...*

Câu 4 (1.0 điểm). Nhận xét về đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình trong đoạn trích.

Câu 5 (1.0 điểm). Viết đoạn văn 5-7 dòng rút ra 01 bài học nhân sinh được nhà thơ gửi gắm qua đoạn trích.

II. PHẦN VIẾT

Câu 1 (2.0 điểm). Viết đoạn văn (200 chữ) phân tích mối giao hòa giữa thiên nhiên và con người trong khổ 2.

Câu 2 (4.0 điểm). Sự phát triển của xã hội và kì vọng của gia đình mang đến nhiều áp lực cho giới trẻ.

Từ góc nhìn của người trẻ, anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về **cách ứng xử của người trẻ trước những áp lực trên**.

-----Hết-----

Tổ trưởng
Nguyễn Thị Bảo Thúy

Người lập đề cương
Giáo viên Văn 12

ĐỀ 11: Đọc đoạn trích sau:

XUÂN KHÔNG MÙA

*Một ít nắng, vài ba sương mỏng thấm,
Mấy cành xanh, năm bảy sắc yêu yêu
Thế là xuân. Tôi không hỏi chi nhiều.
Xuân đã sẵn trong lòng tôi lai láng.*

*Xuân không chỉ ở mùa xuân ba tháng;
Xuân là khi nắng rạng đến tình cờ,
Chim trên cành há mỏ hót ra thơ;
Xuân là lúc gió về không định trước.*

*Đông đang lạnh bỗng một hôm trở ngược,
Mây bay đi để hở một khung trời
Thế là xuân. Ngày chỉ ấm hơi hơi,
Như được nắm một bàn tay son trẻ...
(1939, Xuân Diệu, <https://www.thivien.net>)*

Trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản.

.....
.

Câu 2. Xác định nhân vật trữ tình trong đoạn trích.

.....
.

Câu 3. Tìm những từ ngữ thể hiện vẻ đẹp của xuân không mùa trong đoạn trích.

.....
.

Câu 4. Phân tích hiệu quả biểu đạt của 01 biện pháp tu từ trong đoạn trích.

.....
.

Câu 5. Nhận xét về nhân vật trữ tình trong đoạn trích

.....
.

Câu 6. Nêu cách hiểu của anh/chị về 2 câu thơ trên:

*Xuân đã sẵn trong lòng tôi lại lảng
Xuân không chỉ ở mùa xuân ba tháng*

.....
.

Câu 7. Bài thơ thể hiện giá trị nhân sinh nào? Em có đồng tình với quan điểm đó không? Vì sao?

.....
.

Câu 8. Bài thơ giúp em cảm nhận gì về cuộc sống? Mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên?
(Viết đoạn văn từ 5-7 câu)

.....
.

+ Dần dần các bè phái xoay ra soi mói, nói xấu lẫn nhau. Người có tư duy độc lập, biết phân biệt đúng sai phải trái, biết khen ngợi và nhắc nhở đúng mực rất ít và thường bị các phe làm cho không thể mở miệng vì mở miệng là bị yêu, ghét, phán xét ngay lập tức.

+ Bề ngoài, cả lớp luôn tỏ ra đoàn kết, ngoan ngoãn, nhưng thực chất luôn có những cuộc chiến tranh ngầm bất phân thắng bại....

- Tác hại thói quen gây bè phái, chia rẽ tập thể lớp

+ Làm cho tập thể lớp bị chia rẽ cùng cực, ghét bỏ, thù hằn nhau chỉ vì những điều nhỏ nhặt thay vì yêu thương, chia sẻ, thông cảm, giúp nhau tốt hơn lên mỗi ngày

+ Khi còn giữ thói chia bè kết phái thì không có hội nhóm nào bền vững, không một tập thể lớp nào nào có thể lớn mạnh được.

+ Lục đục nội bộ làm tổn thất ích lợi chung, làm xấu danh tiếng, và để các thế lực thù địch có cơ hội lấn át trong các hoạt động thi đua

- Lợi ích xây dựng 1 tập thể lớp đoàn kết, yêu thương giúp đỡ nhau thì mang đến lợi ích gì: có nhiều kỉ niệm; có động lực, môi trường học tập; những ngày tháng học sinh vui vẻ khó quên; có tình bạn đẹp;.....

- Giải pháp xóa bỏ thói quen gây bè phái, chia rẽ tập thể lớp:

+ **Bạn luôn ý thức** trách nhiệm xây dựng tinh thần đoàn kết, thương yêu nhau trong một tập thể.

+ **Bạn cũng cần nhìn nhận** vấn đề một cách trung thực, khách quan, suy luận có logic, khoa học, trách cảm tính, áp đặt hay bị kích động bởi người khác.

+ **Bạn cần có chính kiến** trong suy nghĩ khi tiếp nhận thông tin về một việc, một người nào đó. Trước khi phán xét ai đó, ta cần đặt câu hỏi cho bản thân có phải vì mình ghét họ nên mình vội nghĩ họ sai không? Hay trước khi bênh vực một ai ta cũng đặt câu hỏi người này đã nói, viết đúng chưa, đúng sai như thế nào?

+ **Bạn có thể thương xuyên học hỏi** để thu nạp kiến thức, làm cho bản thân có được sự hiểu biết nhất định để từ đó có thể nhìn nhận vấn đề một cách trung thực, khách quan, suy luận có logic, khoa học.

+ Con người không thể gạt bỏ hoàn toàn cảm xúc, nhưng **bạn không nên** vì yêu ghét nhất thời mà cố ý bao che hoặc phủ nhận hoàn toàn một người khác.

Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề: Thói quen gây bè phái, chia rẽ tập thể lớp là một thói quen xấu và cần được xóa bỏ để tập thể lớp phát triển tích cực, bền vững. Đừng để thói quen gây bè phái, chia rẽ trở thành vật cản cho tập thể lớp và bản thân **bạn**.

- Rút ra bài học cho bản thân: Là một người học sinh, **bạn nên hiểu đúng** về thói quen gây bè phái, chia rẽ tập thể lớp, **biết** đặt sự thật lên trên tôn giáo, tín ngưỡng, cảm xúc và cả bản thân; **cố gắng phấn đấu** học cách trở thành người công chính, tự chủ, độc lập và tự do trong tư duy.... và **tuyên truyền giúp đỡ** mọi người cùng làm theo.